|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Tìm ý **không phù hợp** với đặc điểm dịch tễ học viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em: |
|  | Là bệnh nhiễm khuẩn hệ thần kinh hay gặp nhất. |
|  | Tỉ lệ viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em là 60-80% trường hợp nhiễm trùng hệ thần kinh. |
|  | Bệnh hay gặp nhất ở trẻ dưới 3 tuổi, đặc biệt là trẻ dưới 1 tuổi. |
| \* | Tỉ lệ mắc bệnh ở nữ cao hơn nam. |
| End |  |
| 002 | Vi khuẩn thường gặp nhất gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Phế cầu. |
|  | Liên cầu. |
|  | Tụ cầu. |
| \* | E. Coli. |
| End |  |
| 003 | Vi khuẩn thường gặp nhất gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ 3 tháng đến 5 tuổi ở các nước đang phát triển là: |
|  | Phế cầu. |
|  | Tụ cầu. |
| \* | H.influenza. |
|  | Não mô cầu. |
| End |  |
| 004 | Vi khuẩn nào thường gặp nhất trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ dưới 5 tuổi tại Việt Nam là: |
|  | Klebsiella. |
|  | Proteus. |
| \* | Hemophilus Influenza. |
|  | Tụ cầu. |
| End |  |
| 005 | Trong môi trường dịch não tủy, vi khuẩn dễ dàng phát triển vì: |
|  | Cung cấp đường cho dịch não tủy hạn chế. |
|  | Khi viêm màng não, nồng độ protêin trong dịch não tủy cao. |
| \* | Cơ chế bảo vệ, miễn dịch trong dịch não tủy rất yếu. |
|  | Nồng độ muối trong dịch não tủy rất thấp. |
| End |  |
| 006 | Tìm ý **không phù hợp** với yếu tố thuận lợi gây viêm màng não nhiễm khuẩn. |
|  | Chủ yếu ở trẻ dưới 1 tuổi. |
| \* | Tỉ lệ mắc ở nữ cao hơn nam. |
|  | Tình trạng suy giảm miễn dịch. |
|  | Có dị tật ở màng não. |
| End |  |
| 007 | Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố thuận lợi gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em: |
|  | Đẻ non. |
|  | Suy dinh dưỡng nặng. |
|  | Sau cắt lách. |
| \* | Chậm phát triển tinh thần, vận động. |
| End |  |
| 008 | Ổ nhiễm khuẩn khởi điểm nào sau đây hay gây biến chứng viêm màng não mủ nhất: |
|  | Mụn nhọt ngoài da. |
| \* | Viêm tai xương chũm mạn tính. |
|  | Viêm mô dưới da. |
|  | Nhiễm khuẩn đường tiết niệu. |
| End |  |
| 009 | Đặc điểm **không phù hợp** với biểu hiện lâm sàng của viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh: |
| \* | Trẻ thường sốt cao. |
|  | Biểu hiện màng não thường kín đáo. |
|  | Rên è è. |
|  | Hay có rối loạn nhịp thở. |
| End |  |
| 010 | Tìm **ý không phù hợp** với nguyên nhân viêm màng não nhiễm khuẩn tái phát nhiều đợt: |
|  | Có dị dạng màng não. |
|  | Có chấn thương rạn vỡ nền sọ, xương đá. |
|  | Có ổ viêm mạn tính ở tia mũi họng. |
| \* | Có bệnh tim bẩm sinh. |
| End |  |
| 011 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện lâm sàng giai đoạn khởi phát viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ lớn: |
|  | Khởi đầu bằng triệu chứng sốt nhẹ hoặc vừa. |
|  | Mệt mỏi |
|  | Đau đầu. |
| \* | Các triệu chứng thực thể thường điển hình. |
| End |  |
| 012 | Tìm ý **không phù hợp** với triệu chứng cơ năng của viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ lớn. |
|  | Đau đầu liên tục. |
|  | Đau cả hai bên. |
|  | Đau tăng lên khi thay đổi tư thế. |
| \* | Trẻ không có biểu hiện sợ ánh sáng. |
| End |  |
| 013 | Tìm ý **không khù hợp** với tính chất nôn trong viêm màng não nhiềm khuẩn ở trẻ em: |
|  | Nôn tự nhiên. |
|  | Nôn vọt. |
| \* | Nôn sau khi ăn. |
|  | Nôn nhiều lần. |
| End |  |
| 014 | Tìm triệu chứng **không phù hợp** với viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh: |
| \* | Trẻ thường sốt cao. |
|  | Li bì. |
|  | Rên è è. |
|  | Bỏ bú. |
| End |  |
| 015 | Viêm màng não nhiễm khuẩn hay xảy ra nhất ở trẻ sơ sinh trong trường hợp nào sau đây: |
|  | Xổ thai quá nhanh. |
| \* | Đẻ non, ngạt, nhiễm khuẩn ối. |
|  | Đẻ can thiệp bằng forcep. |
|  | Đẻ chỉ huy. |
| End |  |
| 016 | Tìm ý **không phù hợp** với biến chứng muộn của viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em: |
|  | Điếc hoặc giảm thính lực. |
|  | Não úng thủy. |
|  | Chậm phát triển vận động. |
| \* | Áp xe não |
| End |  |
| 017 | Triệu chứng có giá trị nhất để hướng tới chẩn đoán viêm màng não mú do não mô cầu là: |
|  | Sốt cao đột ngột. |
|  | Có herpes. |
|  | Có đau khớp. |
| \* | Có xuất huyết dưới da hình cánh sao. |
| End |  |
| 018 | Chống chỉ định chọc dò tủy sống khi: |
|  | Trẻ bị suy hô hấp nặng. |
|  | Trẻ trong tình trạng nhiễm trùng huyết. |
|  | Trẻ đang sốt cao. |
| \* | Tăng áp lực nội sọ nặng. |
| End |  |
| 019 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn, chọc dò tủy sống nước não tủy có màu: |
|  | Hồng, để không đông. |
|  | Vàng chanh. |
| \* | Đục. |
|  | Trong. |
| End |  |
| 020 | Tiêu chuẩn quan trọng nhất dịch não tủy để chẩn đóan viêm màng não nhiễm khuẩn là: |
|  | Protêin tăng. |
|  | Đường giảm. |
|  | Muối giảm. |
| \* | Soi, cấy dịch não tủy có vi khuẩn. |
| End |  |
| 021 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh, xét nghiệm protêin dịch não tủy thấy: |
|  | ≥0,6g/lít. |
|  | ≥0,8g/lít. |
|  | ≥1,0g/lít. |
| \* | ≥1,2g/lít. |
| End |  |
| 022 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ trên 1 tháng tuổi, xét nghiệm protêin dịch não tủy thấy: |
| \* | > 0,45g/lít. |
|  | > 0,55g/lít. |
|  | > 0,65g/lít. |
|  | > 0,75g/lít. |
| End |  |
| 023 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh, xét nghiệm đường trong dịch não tủy được coi là giảm khi: |
|  | <0,90mmol/lít. |
|  | <1,00 mmol//lít. |
| \* | <1,10 mmol//lít. |
|  | <1,20 mmol//lít. |
| End |  |
| 024 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ trên 1 tháng, xét nghiệm đường trong dịch não tủy được coi là giảm khi: |
|  | <2,0 mmol/lít. |
|  | <2,1 mmol//lít. |
| \* | <2,2 mmol//lít. |
|  | <2,3 mmol//lít. |
| End |  |
| 025 | Tìm ý **không phù hợp** với kết quả xét nghiệm trong viêm màng não nhiễm khuẩn: |
|  | Số lượng hồng cầu giảm ở trẻ nhỏ. |
| \* | CRP (-) |
|  | Điện giải đồ thay đổi do rối loạn bài tiết aDH. |
|  | Cấy máu có thể tìm được vi khuẩn gây bệnh |
| End |  |
| 026 | Xét nghiệm nào sau đây có giá trị nhất để chẩn đóan viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em: |
|  | Số lượng bạch cầu tăng. |
|  | Tốc độ lắng máu tăng. |
| \* | Tìm thấy kháng nguyên của vi khuẩn trong dịch não tủy qua xét nghiệm miễn dịch, PCR. |
|  | CRP (+). |
| End |  |
| 027 | Tìm ý **không phù hợp** với xét nghiệm trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em: |
| \* | Axit lactic máu giảm. |
|  | LDH tăng. |
|  | Điện giải đồ có thể thay đổi. |
|  | Đường máu bình thường. |
| End |  |
| 028 | Triệu chứng cơ năng sớm nhất hướng tới chẩn đoán viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ bú mẹ là: |
|  | Co giật. |
| \* | Ngủ gà |
|  | Hôn mê. |
|  | Nôn |
| End |  |
| 029 | Triệu chứng thực thể có giá trị nhất để hướng tới viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ lớn: |
| \* | Cứng gáy (+). |
|  | Babinski (+). |
|  | Brudzinski (+). |
|  | Vạch màng não (+). |
| End |  |
| 030 | Triệu chứng thực thể có giá trị nhất để hướng tới viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ bú mẹ là: |
|  | Cứng gáy (+). |
|  | Kernig (+) |
| \* | Thóp phồng (+) |
|  | Vạch màng não (+) |
| End |  |
| 031 | Biểu hiện có giá trị nhất để hướng tới chẩn đóan viêm màng não mủ do tụ cầu: |
|  | Diễn biến thường đột ngột. |
| \* | Có mụn mủ ngoài da. |
|  | Có mụn phỏng dạng herpes. |
|  | Vẻ mặt nhiễm trùng, nhiễm độc nặng. |
| End |  |
| 032 | Triệu chứng có giá trị nhất để hướng tới viêm màng não nhiễm khuẩn do Hemophilus Influenza: |
|  | Có xuất huyết dưới da hình cánh sao. |
| \* | Thường diễn biến rất đột ngột ở trẻ nhỏ. |
|  | Hay gặp sau chấn thương. |
|  | Thường có mụn phỏng dạng herpes. |
| End |  |
| 033 | Triệu chứng có giá trị nhất để hướng tới viêm màng não nhiễm khuẩn do phế cầu: |
| \* | Thường thấy có các triệu chứng viêm nhiễm ở đường hô hấp. |
|  | Thường diễn biến rất đột ngột ở trẻ nhỏ. |
|  | Hay gặp sau chấn thương. |
|  | Thường có mụn phỏng dạng herpes |
| End |  |
| 034 | Nguyên tắc quan trọng nhất trong sử dụng kháng sinh điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em là: |
| \* | Kháng sinh phải thấm tốt vào dịch não tuỷ. |
|  | Ưu tiên chọn kháng sinh có khả năng diệt khuẩn. |
|  | Nồng độ kháng sinh phaỉ đủ cao. |
|  | Chọn kháng sinh ít độc với trẻ em. |
| End |  |
| 035 | Thuốc kháng sinh nào ngấm vào dịch não tủy tốt nhất: |
|  | Ampixilin. |
| \* | Cloramphenicol |
|  | Penixilin. |
|  | Cephalexin. |
| End |  |
| 036 | Khi chưa xác định được căn nguyên gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ < 3 tháng, nên chọn phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây để điều trị: |
| \* | Ceftriaxone + Amoxilin. |
|  | Ampixilin + Gentamycin. |
|  | Ampixilin + Cloramphenicol. |
|  | Amoxilin + Cloramphenicol. |
| End |  |
| 037 | Khi chưa xác định được căn nguyên gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ > 3 tháng, nên chọn thuốc kháng sinh nào dưới đây để điều trị: |
| \* | Ceftriaxone. |
|  | Cephalotin. |
|  | Amoxilin. |
|  | Cephalexin. |
| End |  |
| 038 | Phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ < 3 tháng do trực khuẩn đường ruột: |
|  | Cephalotin + Gentamycin. |
| \* | Ceftriaxone + amikacine. |
|  | Amoxilin + amikacine. |
|  | Cephalexin + Cloramphenicol. |
| End |  |
| 039 | Thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ < 3 tháng do liên cầu nhóm B: |
|  | Cephalotin. |
|  | Ceftriaxone. |
| \* | Amoxilin. |
|  | Cephalexin. |
| End |  |
| 040 | Phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ < 3 tháng do vi khuẩn Listeria: |
|  | Cephalotin + Gentamycin. |
|  | Peniciline + amikacine. |
| \* | Amoxilin + amikacine. |
|  | Cephalexin + Cloramphenicol. |
| End |  |
| 041 | Phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ > 3 tháng do phế cầu: |
|  | Cetriaxone + amikacine. |
| \* | Ceftriaxone + Vancomycine. |
|  | Amoxilin + amikacine. |
|  | Cephalexin + Cloramphenicol. |
| End |  |
| 042 | Phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ < 3 tháng thể nặng, hôn mê sâu, suy thở: |
|  | Cephalotin + Gentamycin + amoxiline. |
| \* | Ceftriaxone + amikacine + amoxiline. |
|  | Amoxilin + amikacine + Peniciline. |
|  | Cephalexin + Cloramphenicol + amoxiline. |
| End |  |
| 043 | Phối hợp thuốc kháng sinh nào dưới đây được chọn để điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ > 3 tháng thể nặng, hôn mê sâu, suy thở: |
|  | Cephalotin + Amoxiline. |
| \* | Ceftriaxone + Amoxiline. |
|  | Amoxilin + Amikacine. |
|  | Cephalexin + Cloramphenicol. |
| End |  |
| 044 | Chống phù não bằng Manitol với liều: |
| \* | 1,0-2,0 g/kg/24 giờ. |
|  | 2,1-3,0 g/kg/24 giờ. |
|  | 3,1-4,0g/kg/24 giờ. |
|  | 4,1-5,0g/kg/24 giờ. |
| End |  |
| 045 | Để hạn chế biến chứng điếc trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em, có thể sử dụng Dexamethasone với liều: |
|  | 0,10 mg/kg/lần x 4lần/ngày. |
| \* | 0,15 mg/kg/lần x 4lần/ngày. |
|  | 0,20 mg/kg/lần x 4lần/ngày. |
|  | 0,25 mg/kg/lần x 4lần/ngày. |
| End |  |
| 046 | Tiêu chuẩn quyết định để ngừng thuốc kháng sinh trong điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em là: |
|  | Số lượng bạch cầu và tỉ lệ bạch cầu trung tính trong máu bình thường. |
|  | Tốc độ lắng máu trở về bình thường. |
| \* | Xét nghiệm nước não tủy trở về bình thường. |
|  | Hết co giật. |
| End |  |
| 047 | Biện pháp điều trị quan trọng nhất để tránh biến chứng vách hoá màng não trong viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em là: |
|  | Cho Cocticoid |
|  | Truyền Manitol |
| \* | Chẩn đoán và điều trị kịp thời bằng kháng sinh đặc hiệu. |
|  | Chống co giật triệt để. |
| End |  |
| 048 | Trong viêm màng não nhiễm khuẩn, vi khuẩn nào hay gây biến chứng vách hoá màng não nhất. |
| \* | Phế cầu. |
|  | Não mô cầu. |
|  | Tụ cầu. |
|  | H.influenza. |
| End |  |
| 049 | Biện pháp có hiệu quả nhất để phòng viêm màng não nhiễm khuẩn do Hemophilus Influenza là: |
|  | Điều trị sớm viêm mũi họng. |
| \* | Tiêm phòng cho trẻ vaccin phòng Hemophilus Influenza. |
|  | Cách li trẻ bị viêm màng não nhiễm khuẩn do Hemophilus Influenza. |
|  | Điều trị kháng sinh cho những trẻ có tiếp xúc với bệnh nhân viêm màng não nhiễm khuẩn do Hemophilus Influenza. |
| End |  |
| 050 | Những trẻ tiếp xúc với người bệnh bị viêm màng não nhiễm khuẩn do não mô cầu cần dự phòng bằng: |
|  | Penicilin. |
| \* | Vancomycin. |
|  | Rifamicin. |
|  | Amoxilin. |
| End |  |
| 051 | Vaccin phòng viêm màng não do phế cầu nên được áp dụng cho những trường hợp: |
|  | Trẻ hay viêm mũi họng. |
| \* | Trẻ bị suy giảm miễn dịch. |
|  | Trẻ hay bị mụn nhọt ngoài da. |
|  | Trẻ có tiền sử đẻ non. |
| End |  |
| 052 | Cháu trai 8 tháng tuổi, bị bệnh 8 ngày trước khi đến viện, đã điều trị tại trạm y tế xã với chẩn đoán viêm phổi bằng ampixilin 1g/ngày x 4 ngày, cháu vẫn sốt cao, co giật toàn thân, li bì nên được chuyển tới bệnh viện.  Khám thấy:   * Li bì, nhiệt độ 390C * Hiện tại không co giật * Thóp phồng căng, cổ cứng (+), kerng (+), vạch màng não (+). * Chọc dò nước não tủy: Nước não tuỷ trong, xét nghiệm: Protein 80mg%, đường 20mg%, tế bào 30 bạch cầu/mm3, tỷ lệ bạch cầu trung tính là 60%.   Bạn chọn chẩn đóan nào sau đây cho phù hợp nhất? |
|  | Lao màng não. |
| \* | Viêm màng não nhiễm khuẩn mất đầu. |
|  | Viêm màng não nước trong. |
|  | Co giật do sốt cao. |
| End |  |
| 053 | Cháu trai 8 tháng tuổi, bị bệnh 8 ngày trước khi đến viện, đã điều trị tại trạm y tế xã với chẩn đoán viêm phổi bằng ampixilin 1g/ngày x 4 ngày, cháu vẫn sốt cao, co giật toàn thân, li bì nên được chuyển tới bệnh viện.  Khám thấy:   * Li bì, nhiệt độ 390C * Hiện tại không co giật * Thóp phồng căng, cổ cứng (+), kerng (+), vạch màng não (+) * Chọc dò nước não tủy: Nước não tuỷ trong, xét nghiệm: Protein 80mg%, đường 20mg%, tế bào 30 bạch cầu/mm3, tỷ lệ bạch cầu trung tính là 60%.   Bạn nghĩ tới viêm màng não do vi khuẩn gì là phù hợp nhất |
|  | Tụ cầu |
| \* | Phế cầu |
|  | Liên cầu |
|  | Não mô cầu. |
| End |  |
| 054 | Cháu trai 8 tháng tuổi, bị bệnh 8 ngày trước khi đến viện, đã điều trị tại trạm y tế xã với chẩn đoán viêm phổi bằng ampixilin 1g/ngày x 4 ngày, cháu vẫn sốt cao, co giật toàn thân, li bì nên được chuyển tới bệnh viện.  Khám thấy:   * Li bì, nhiệt độ 390C * Hiện tại không co giật * Thóp phồng căng, cổ cứng (+), kerng (+), vạch màng não (+) * Chọc dò nước não tủy: Nước não tuỷ trong, xét nghiệm: Protein 80mg%, đường 20mg%, tế bào 30 bạch cầu/mm3, tỷ lệ bạch cầu trung tính là 60%.   Nếu nghĩ tới viêm màng não nhiễm khuẩn, bây giờ bạn chọn thuốc kháng sinh gì cho phù hợp nhất |
|  | Cloramphenicol |
|  | Ampixlin |
| \* | Ceftriaxone |
|  | Penixilin |
| End |  |
| 055 | Cháu trai 8 tháng tuổi, bị bệnh 8 ngày trước khi đến viện, đã điều trị tại trạm y tế xã với chẩn đoán viêm phổi bằng ampixilin 1g/ngày x 4 ngày, cháu vẫn sốt cao, co giật toàn thân, li bì nên được chuyển tới bệnh viện.  Khám thấy:   * Li bì, nhiệt độ 390C * Hiện tại không co giật * Thóp phồng căng, cổ cứng (+), kernig (+), vạch màng não (+).   Chọc dò nước não tủy thấy:   * Nước não tuỷ trong * Xét nghiệm: Protein 80mg%, đường 20mg%, tế bào 30 bạch cầu/mm3, tỷ lệ bạch cầu trung tính là 60%. * Kết quả xét nghiệm dịch não tuỷ lần II cho thấy: Prôtein 400 mg%, đường 40mg%, tế bào 10 bạch cầu/mm3.   Bạn chọn chẩn đóan nào sau đây cho phù hợp nhất |
|  | Viêm màng não nhiễm khuẩn |
| \* | Viêm màng não nhiễm khuẩn có biến chứng vách hóa màng não. |
|  | Nhiễm trùng huyết |
|  | Áp xe não. |
| End |  |